I

Không nên từ địa vị hiện tại của tôi mà kết luận rằng tôi là con đỡ đầu của Vận May. Tổ tiên của tôi, nếu cách gọi này không quá tham vọng, là những ngư dân; bố tôi là con út trong mười một người con, và ông nội tôi đã phải rất nhọc nhằn để nuôi sống gia đình mình, vì nghề chài lưới này so với những công việc khác thì thu nhập nhận về chẳng hề tương xứng với công sức bỏ ra; vất vả, hiểm nguy là chuyện chắc chắn; còn kiếm được một chút tiền là chuyện rủi may.

Năm lên mười tám tuổi, bố tôi bị bắt gia nhập hải quân; đó là một hình thức quân dịch mà nhờ nó Nhà nước có thể đòi hỏi mọi thủy thủ phục vụ trong ba mươi hai năm… từ mười tám đến năm mươi tuổi. Bố tôi nhập ngũ không hề biết đọc biết viết. Ông trở về với lon hạ sĩ hải quân, cấp bậc cao nhất mà những người chưa hề qua các trường lớp của Nhà nước có thể đạt tới.

Port-Dieu, quê hương chúng tôi, nằm gần các hòn đảo thuộc Anh, bởi vậy Nhà nước cho bố trí ở đây một chiếc tàu tuần tiễu một cột buồm có nhiệm vụ ngăn chặn

đám người từ Jersey tới đánh trộm cá của chúng tôi, đồng thời buộc ngư dân quê tôi phải tuân thủ các quy định đánh cá: bố tôi đã được thuyên chuyển về để tiếp tục phục vụ trên chiếc tàu này. Đây là một ân huệ, vì cho dù có quen với việc coi chiếc tàu của mình là tổ quốc đến đâu chăng nữa, người ta vẫn luôn hạnh phúc được trở về quê hương.

Mười lăm tháng sau cuộc trở về, tôi chào đời, và bởi hôm ấy là một ngày thứ sáu của tháng Ba, ngày trăng non, mọi người nhất trí tiên đoán là tôi sẽ có những cuộc phiêu lưu, sẽ có những cuộc hải hành và hẳn tôi sẽ có cuộc đời rất bất hạnh nếu ảnh hưởng của mặt trăng không chống lại tác động của ngày thứ sáu: về những cuộc phiêu lưu, quả tình tôi đã có và chúng chính là điều tôi muốn thuật lại cho

MƯỜI LĂM THÁNG SAU CUỘC TRỞ VỀ, TÔI CHÀO ĐỜI.

các bạn; những cuộc hải hành, tôi đã trải qua; còn về cuộc tranh đấu giữa hai ảnh hưởng kia, đúng là nó đã rất gay cấn; vào cuối câu chuyện tôi thuật lại, các bạn hãy tự nói xem ảnh hưởng nào đã giành phần thắng.

Tiên đoán cho tôi những cuộc phiêu lưu hải hành cũng chính là thừa nhận rằng tôi đích thực là một đứa con của gia đình, bởi từ đời này qua đời khác tất cả người nhà Kalbris đều là thủy thủ, và nếu truyền thuyết không sai, vào thời chiến tranh thành Troy họ đã là thủy thủ rồi. Đương nhiên không phải chúng tôi tự gán cho mình gốc gác này, mà là các nhà bác học cho rằng ở Port-Dieu có một trăm gia đình, chính xác là gia đình theo nghề thủy thủ, có nguồn gốc từ một cộng đồng thực dân người Phoenicia. Điều chắc chắn đúng là với đôi mắt đen, nước da nâu đồng, sống mũi tinh tế, chúng tôi chẳng có đặc điểm nào của người Normand hay người Breton, và những chiếc thuyền đánh cá của chúng tôi là bản sao chính xác chiếc thuyền của Odysseus như Homer đã mô tả với chúng ta: một cột buồm duy nhất với một lá buồm vuông; kiểu buồm này rất thông dụng ở vùng biển Aegea, nhưng lại là độc nhất vô nhị trên biển Manche.

Với chúng tôi, ký ức ngược dòng thời gian chẳng được xa mấy và đồng nhất tới mức lộn xộn khó phân biệt; khi ai đó nói về một người họ hàng, câu chuyện chẳng bao giờ thay đổi: ngay từ khi còn bé ông ấy đã ra khơi hay tới những vùng biển xa xôi, ở chỗ những tộc người mang những cái tên thật khó nhớ, và ông ấy đã chết trong một vụ đắm tàu, trong một trận đánh, trên một con tàu giam giữ

của người Anh; ở nghĩa địa có rất nhiều thập tự mang tên một cô gái hay một bà góa, còn thập tự mang tên một cậu con trai hay một người đàn ông thì rất ít; đàn ông không chết ở quê nhà. Dẫu vậy, như trong mọi gia đình, gia đình chúng tôi cũng có vị anh hùng của riêng mình: một người là ông ngoại tôi, từng là bạn đồng hành với Surcouf; người còn lại là bác Flohy của tôi. Ngay khi bắt đầu hiểu những chuyện người ta nói quanh mình, tôi đã nghe thấy tên bác được nhắc tới cả chục lần mỗi ngày; bác tôi phụng sự một vị vua Ấn Độ sở hữu đàn voi cho riêng mình; ông chỉ huy quân lính chống lại người Anh, ông có một cánh tay bằng bạc; voi và cánh tay bạc không phải là chuyện tưởng tượng.

Chính nhu cầu phiêu lưu bẩm sinh của tất cả người nhà Kalbris đã đưa bố tôi lên tàu một lần nữa vài năm sau khi ông kết hôn; bố tôi đã có thể trở thành thuyền phó trên một trong những chiếc tàu buồm dọc hằng năm vẫn ra khơi vào mùa xuân đi đánh cá tại Iceland; nhưng ông được sinh ra để phụng sự quốc gia và ông yêu thích điều đó.

Tôi không còn nhớ gì chuyện bố ra đi. Những ký ức hiếm hoi tôi còn lưu giữ về thời gian này là ngày bão bùng, đêm dông tố, và tôi trải qua hàng giờ trước trạm bưu dịch.

Biết bao lần mẹ tôi đã bảo tôi cầu nguyện giữa đêm khuya trước một cây nến bà thắp! Với tôi, cơn bão diễn ra tại Port-Dieu là cơn bão ở khắp nơi, và cơn gió rung giật nhà chúng tôi dường như cũng đang làm chao đảo con tàu của bố tôi. Đôi lần gió thổi mạnh tới mức chúng tôi phải dậy để chằng buộc lại các cửa sổ, vì ngôi nhà của

gia đình tôi là một ngôi nhà của người nghèo; cho dù được che chắn ở một phía bởi đoạn vách đá sạt xuống, và ở bên còn lại bởi cái cabin tàu từng có thời là phòng khách của một chiếc tàu ba cột buồm bị đắm, ngôi nhà vẫn chống đỡ vất vả trước những cơn gió lốc giao mùa. Vào một buổi tối tháng Mười, mẹ đánh thức tôi dậy: cơn dông tố thật khủng khiếp, gió gầm rít, ngôi nhà rên kèn kẹt, và những luồng gió mạnh thốc vào làm ngọn nến chao đảo rồi tắt phụt; vào những khoảnh khắc dông bão dịu xuống, có thể nghe thấy âm thanh biển đang giao chiến với đá tảng, và sóng ập vào những cái hốc trên vách đá rền vang như tiếng đại bác nổ. Bất chấp âm thanh khủng khiếp này, chẳng mấy chốc tôi đã vừa quỳ gối vừa gà gật ngủ lại: thế rồi đột nhiên cửa sổ bị giật tung ra khỏi các bản lề sắt, rơi vào giữa phòng rồi vỡ tan tành, và dường như tôi bị nâng bổng lên trong một cuộn gió xoáy.

– Ôi! Chúa ơi, – mẹ tôi kêu lên, – bố con nguy mất!

Mẹ tôi tin vào linh cảm và điềm báo; một lá thư bà nhận được từ bố tôi vài tháng sau đêm bão tố này càng làm niềm tin của bà thêm chắc chắn; thật trùng hợp đến kỳ lạ, cũng chính vào tháng Mười này, bố tôi đã bị một cơn cuồng phong tấn công và gặp nguy hiểm khủng khiếp. Giấc ngủ của một người vợ thủy thủ là thứ giấc ngủ buồn thảm: mơ thấy tàu đắm, chờ đợi một lá thư không tới, cuộc đời cứ vần vò giữa hai nỗi lo âu này.

Vào thời kỳ tôi đang nói đến, việc phát thư không diễn ra như ngày nay; tất cả thư đều được phát tại trạm

bưu dịch, và nếu quá lâu không ai tới nhận thì một cậu học trò sẽ mang thư đi phát. Vào ngày chuyến thư từ Terre-Neuve tới, trạm bưu dịch đã bị vây lấy chặt cứng, bởi từ mùa xuân tới mùa thu, tất cả thủy thủ đều ra khơi đánh bắt cá tuyết, và một người lạ tới vùng này hẳn sẽ tưởng mình đang ở trên hòn đảo mà Aristotle nói tới, nơi đàn ông không được phép đặt chân; vậy nên những người phụ nữ đều nóng lòng nhận tin tức. Bế con trên tay, họ chờ đến khi được gọi tên. Có người bật cười khi đọc thư, có người lại khóc. Ai không nhận được thư thì hỏi han những người có thư; với thủy thủ đang lênh đênh ngoài biển, người ta chẳng thể nói câu: "Không có tin gì là việc tốt."

Có một bà lão đã từ sáu năm rồi ngày nào cũng tới, và từ sáu năm rồi không nhận được lấy một lá thư: mọi người gọi bà là mẹ Jouan, người ta kể rằng chiếc ca nô chở người chồng cùng bốn con trai của bà đã mất tích trong một cơn lốc bất chợt và không tìm thấy được dù là ca nô hay người. Từ lúc tin này lan ra, bà lão sáng nào cũng tới trạm bưu dịch.

– Vẫn chưa có gì cho bà cả, – người bưu tá nói, – hẹn bà mai vậy.

Bà lão buồn bã trả lời:

– Ừ, để mai vậy.

Và bà ra về để rồi quay lại vào ngày hôm sau. Người ta nói bà đã mất trí; nếu đúng bà bị điên thật, từ đó tới giờ tôi chưa bao giờ thấy cái điên nào lại buồn rầu và hiền lành như của bà.

Gần như mỗi lần ra trạm bưu dịch, tôi đều thấy bà lão đã tới rồi. Bưu tá ở đây đồng thời cũng là trưởng trạm bưu dịch và còn kiêm luôn bán tạp hóa, lẽ đương nhiên ông này bắt đầu bằng việc phục vụ những người hỏi mua muối hay cà phê, cho nên chúng tôi có thoải mái thời gian để trò chuyện với nhau; tỉ mỉ và luôn tuân thủ những nguyên tắc của nghề nghiệp kép mình theo đuổi, ông ta kéo dài thêm thời gian chờ đợi cho chúng tôi bằng đủ thứ nghi lễ chuẩn bị: khi là chủ tiệm tạp hóa, ông ta đeo lên mình một cái tạp dề màu xanh lơ và đội một cái mũ lưỡi trai; khi là trưởng trạm bưu dịch, ông ta mặc một chiếc áo vest dạ và đội một cái mũ nhung không vành. Không một lý do nào trên đời có thể khiến ông bán mù tạt khi còn đội cái mũ nhung không vành trên đầu, và khi ý thức được đang cầm trong tay một lá thư can hệ đến tính mạng của mười người, ông ta cũng không bao giờ giao nó trước khi bỏ cái tạp dề ra.

Vào mỗi buổi sáng, mẹ Jouan lại bắt đầu kể cho tôi nghe bản tường thuật của bà:

– Họ đi đánh cá, một cơn lốc ập tới mạnh đến nỗi họ buộc phải bỏ chạy xuôi theo chiều gió thay vì quay trở về tàu Bien-Aimé; họ đã lướt qua bên cạnh tàu Prudence mà không thể lên tàu được. Nhưng cháu biết đấy, với một thủy thủ như Jouan thì chẳng có gì nguy hiểm cả. Họ hẳn đã tìm thấy một chiếc tàu nào đó ngoài khơi và được đón lên: chuyện này đã diễn ra nhiều lần rồi; cậu con trai của Mélanie đã trở về như thế đấy. Có thể người ta đã cho họ xuống tàu ở châu Mỹ. Khi họ trở về,

chắc Jérôme lớn lắm rồi! Hồi ấy nó mới mười bốn tuổi; mười bốn tuổi cộng thêm sáu năm nữa, thế là bao nhiêu nhỉ? – Hai mươi tuổi! – Hai mươi tuổi! Vậy là một chàng trai rồi.

Bà lão không bao giờ thừa nhận chồng con mình đã chết. Đến lúc qua đời, bà vẫn không tin điều đó, và trước khi mất chỉ vài ngày, bà đã gửi gắm cha xứ ba đồng louis để ông trao lại cho Jérôme khi anh trở về: bất chấp nhu cầu của bản thân và cảnh nghèo khó, bà lão đã luôn dành dụm số tiền ấy cho người con trai út.

II

Chuyến ra khơi của bố tôi đáng lẽ chỉ ba năm, nhưng đã kéo dài đến sáu năm: người ta lần lượt thay thế ban tham mưu, song toàn bộ thủy thủ đoàn phải ở lại trên Thái Bình Dương cho tới ngày chiếc tàu hộ vệ đe dọa chìm nghỉm.

Tôi đã mười tuổi khi ông trở về quê.

Đó là một ngày chủ nhật, sau buổi thánh lễ lớn; tôi lúc đó đang đứng trên đê chắn sóng xem chiếc tàu nhỏ hai cột buồm của hải quan về bến. Bên cạnh người cầm lái, người ta thấy một thủy thủ của Nhà nước; càng dễ nhận ra người này hơn bởi ông ta mặc quân phục bên cạnh các nhân viên hải quan khoác áo va rơi công vụ. Như mọi ngày, trên đê chắn sóng lúc này lại đầy đủ đám đông quen thuộc các thủy thủ già, những người bất chấp thời tiết ra sao, dù nắng đẹp hay bão tố, luôn có mặt ở đây từ khoảng hai tiếng trước khi thủy triều lên và chỉ rời đi sau khi triều lên hẳn.

– Romain, – ông thuyền trưởng Houel nói với tôi trong lúc hạ cái kính viễn vọng của ông xuống, – bố cháu đây rồi.

Hãy chạy ngay ra cầu tàu đi nếu muốn có mặt ở đó trước bố cháu.

Chạy ư, tôi cũng muốn thế lắm: nhưng đôi chân tôi cứ như bị gãy rời. Khi tôi tới cầu tàu, chiếc tàu hai cột buồm đã cập bến và bố tôi đã lên bờ; mọi người vây quanh bắt tay ông. Họ muốn dẫn ông tới quán cà phê để đãi ông một chầu rượu táo.

– Để tối nay nhé, – ông nói, – tôi nóng lòng được ôm hôn vợ tôi và cậu thủy thủ tập sự của tôi lắm rồi.

– Anh chàng thủy thủ tập sự của anh! Xem kìa, cậu ta đây này.

Buổi tối, thời tiết chuyển xấu; nhưng ở nhà tôi chẳng ai buồn dậy để thắp nến.

TÔI ĐÃ MƯỜI TUỔI KHI BỐ TRỞ VỀ QUÊ.

Trong sáu năm lênh đênh trên biển, bố tôi đã nhìn thấy rất nhiều thứ, và ông tìm thấy nơi tôi một thính giả luôn sẵn sàng lắng nghe. Bề ngoài ông có vẻ nóng tính và thô kệch nhưng sâu trong nội tâm lại là người kiên nhẫn số một, ông chiều chuộng kể cho tôi nghe những chuyện không phải theo sở thích của ông, mà chọn những gì đem đến niềm vui cho trí tưởng tượng trẻ con của tôi.

Trong những câu chuyện bố kể, có một chuyện tôi nghe mãi không chán và luôn yêu cầu được nghe lại: đó là câu chuyện về bác Jean của tôi. Trong một lần tàu cập bến ở Calcutta, bố được nghe chuyện về một vị tướng Flohy đang làm đại sứ ở chỗ Toàn quyền Anh. Những gì người ta kể về vị tướng này quả là kỳ diệu. Đó là một người Pháp đã tình nguyện phụng sự vua xứ Berar; trong một trận đánh với người Anh, ông đã cứu được đạo quân Ấn Độ bằng một kế sách táo bạo, nhờ chiến công này mà ông được phong tướng; trong một trận đánh khác, một quả đạn đã lấy mất của ông bàn tay; ông thay thế nó bằng một bàn tay bạc[1], và khi vị tướng trở về kinh thành, dùng bàn tay bạc giữ dây cương chiến mã, các tu sĩ cúi rạp mình trước mặt ông mà ngợi ca, nói rằng trong kinh sách đã ghi rõ vương quốc Berar sẽ đạt tới đỉnh cao quyền lực khi quân đội của nó do một người ngoại quốc từ phương Tây tới chỉ huy,

1. Ở đoạn trước tác giả viết là cánh tay bạc, có thể do nhầm lẫn. (Chú thích của Đông A – Đ.A. Còn các chú thích không ghi chú gì thêm đều là của dịch giả.)

và có thể nhận ra người ấy nhờ một bàn tay bằng bạc. Bố tôi được đưa tới diện kiến vị tướng Flohy và được chào đón thật hân hoan. Trong tám ngày, bác đã tiếp đãi bố tôi như một ông hoàng, và đã muốn đưa bố tới kinh đô của vương quốc mà bác đang phụng sự; song nhiệm vụ là không thể thay đổi, bố tôi buộc phải ở lại Calcutta.

Câu chuyện này để lại trong trí tưởng tượng của tôi ấn tượng sống động nhất: bác tôi chiếm cứ mọi suy nghĩ, tôi chẳng mơ thấy gì ngoài những con voi và những cỗ kiệu; tôi không ngừng nhìn thấy hai người lính tháp tùng bác, mang theo những bàn tay bằng bạc; cho tới lúc đó tôi vốn từng ít nhiều ngưỡng mộ người lính Thụy Sĩ ở nhà thờ của chúng tôi, song hai người lính theo hầu bác đã khiến tôi thấy thương hại cây kích bằng sắt và cái mũ đính dải trang trí của anh chàng Thụy Sĩ kia.

Bố rất hạnh phúc khi thấy tôi hào hứng; còn mẹ tôi thì khổ sở, vì với bản năng của một người mẹ, bà hiểu rõ ràng hiệu ứng những câu chuyện này sẽ tạo ra ở tôi:

– Tất cả chuyện này, – mẹ tôi nói, – sẽ làm thằng bé thích các chuyến đi và biển…

– Có sao, sau đó nó sẽ noi theo anh, và tại sao lại không phải giống như bác nó chứ?

Giống như bác tôi! Người bố tội nghiệp của tôi không biết ông đã thắp lên ngọn lửa nào đâu.

Mẹ tôi đành cam chịu chấp nhận ý nghĩ tôi sẽ trở thành thủy thủ; nhưng với sự dịu dàng khéo léo của mình,

bà muốn ít nhất giúp bước khởi đầu cho nghề nghiệp khắc nghiệt này nhẹ bớt với tôi. Bà quyết định bảo bố tôi thôi phục vụ Nhà nước; khi ông được nhận làm thuyền trưởng cho một chiếc thuyền ra khơi đi Iceland, tôi sẽ học nghề dưới quyền ông.

Bằng cách này, mẹ tôi hy vọng giữ chân bố con tôi trên đất liền vào mùa đông, khi những chiếc thuyền đánh cá quay về cảng để tu sửa. Nhưng những tính toán của con người liệu có thể làm được gì trước định mệnh đây?

III

Bố tôi trở về vào tháng Tám; đến tháng Chín thì thời tiết trở xấu sau những ngày đẹp trời kéo dài suốt hơn ba tháng qua; liên tiếp một chuỗi những cơn dông kéo đến như muốn đối chọi với chuỗi ngày yên ả trước đó. Người ta chỉ nói tới những vụ đắm tàu ở bờ biển vùng chúng tôi; một chiếc tàu hơi nước mất tăm cả người lẫn của trên eo Blanchard; nhiều thuyền ở Granville đã mất tích, và người ta nói rằng vùng biển quanh Jersey đầy những mảnh xác tàu; trên đất liền, đường phố ngổn ngang những cành cây gãy; những quả táo vẫn còn xanh rụng đầy trên mặt đất, dày đặc như thể bị đập xuống; không ít cây táo bật rễ lên khỏi mặt đất hoặc gãy ngang thân, lá rủ xuống từ các cành, khét lẹt như thể vừa bị phơi trên lửa rơm.

Tất cả mọi người sống trong lo sợ, bởi đây là thời điểm những chiếc thuyền đi đánh cá tuyết ở vùng Terre-Neuve trở về.

Tình trạng này kéo dài trong gần ba tuần, rồi đến một đêm, thời tiết lặng yên hoàn toàn cả trên đất liền lẫn trên biển: tôi tin cơn bão đã qua, nhưng đến bữa tối

tôi lại bị bố cười giễu khi hỏi ông liệu hôm sau chúng tôi có đi kéo những tấm lưới đã chăng từ khi thời tiết bắt đầu xấu đi không.

– Ngày mai, – ông nói, – gió lốc sẽ nổi lên dữ dội ở phía tây; mặt trời lặn sau màn sương đỏ thẫm, có quá nhiều sao trên bầu trời, biển gầm gào, mặt đất thì nóng rực; con sẽ thấy một trận dông tố mạnh chưa từng thấy.

Thế là ngày hôm sau, thay vì ra biển, bố con tôi bắt tay vào đặt các tảng đá lên mái của cabin tàu. Gió tây nổi lên khi trời sáng; không thấy vầng dương, cả bầu trời ảm đạm, đôi chỗ được chiếu sáng nhờ những dải dài màu xanh lục, và cho dù thủy triều đang hạ, ở ngoài xa vang lên một âm thanh trầm đục giống như tiếng rú.

Bố tôi lúc ấy đang ở trên mái cabin tàu, đột nhiên dừng tay, tôi leo lên đứng gần ông. Ngoài khơi, nơi đường chân trời, có thể thấy một chấm trắng nhỏ trên nền trời tối sầm: đó là một chiếc tàu.

– Nếu không phải tàu hỏng hóc gì thì chắc là họ muốn chết rồi. – Bố tôi nói.

Quả thực khi có gió tây, Port-Dieu là nơi không thể cập bờ được.

Một tia chớp đã cho chúng tôi thấy chiếc tàu. Nó biến mất gần như lập tức khỏi tầm mắt chúng tôi. Những đám mây dồn tụ lại thành đám hỗn độn đen đặc; chúng nhanh chóng dâng lên, xen vào nhau, cuộn đi như những vòng cuộn của đụn khói bốc ra từ đám cháy; mây đùn lên từ chính đường chân trời.

BỐ TÔI LÚC ẤY ĐANG Ở TRÊN MÁI CABIN TÀU, ĐỘT NHIÊN DỪNG TAY, TÔI LEO LÊN ĐỨNG GẦN ÔNG.

Chúng tôi đi xuống làng; người ta đã chạy đổ cả ra phía đê chắn sóng, bởi tất cả mọi người đều đã thấy chiếc tàu xuất hiện trong tầm nhìn, nghĩa là đang gặp nguy hiểm.

Ở ngoài xa cũng như ngay sát chân chúng tôi, ở bên phải, bên trái, khắp xung quanh, biển chỉ toàn bọt ngầu lên trắng xóa như một biển tuyết di động; thủy triều dâng lên nhanh hơn thường lệ với những tiếng gầm gào hòa cùng tiếng bão làm tê liệt thính giác; dù bị cơn gió hung hãn cuốn đi, những đám mây vẫn ở quá thấp, quá nặng nề, tới mức dường như đè toàn bộ sức nặng lên đám bọt sủi ngầu lên như bọt xà phòng này. Con tàu

hiện ra to dần; đó là một chiếc brick[1]; nó gần như đã cuốn hết buồm lên.

– Con tàu đang kéo cờ hiệu lên, – đại úy Houel nói trong khi quan sát qua ống nhòm, – đó là tàu của anh em Leheu.

Anh em Leheu là chủ tàu giàu có nhất vùng.

– Chiếc tàu yêu cầu hoa tiêu.

– À! Phải rồi, hoa tiêu; mà cần ra được đó cái đã.

Người nói câu này chính là một hoa tiêu, bố Housard; ở đây toàn những người trong nghề nên chẳng ai đáp lại; họ biết quá rõ là ông có lý và không thể ra đó được.

Cùng lúc, người ta thấy ông anh cả trong mấy anh em Leheu từ phía làng đi tới. Chắc chắn ông này không biết gió dữ dội tới mức nào, bởi chỉ vừa đi quá góc ngôi nhà cuối cùng là ông ta quay người rồi bị hất ra đường như một bịch quần áo cũ. Cố bằng mọi cách, chệnh choạng, quay cuồng, bị cuốn đi trong cơn gió như thể một người đang bơi giữa con sóng, ông ta tới được chỗ công sự pháo nơi chúng tôi đang ẩn nấp; trên đường, cái mũ đã bị gió cuốn bay mất mà ông cũng chẳng buồn lấy lại, thế là mọi người đều biết ông đang hết sức lo lắng, bởi ông này có tiếng là chẳng bao giờ để mất thứ gì.

Chỉ trong một phút, mọi người đã biết chiếc brick của ông ta được đóng tại Bayonne, do một thủy thủ đoàn

1. Một loại tàu hai cột buồm.

người Basque điều khiển, và đây là lần đầu tàu hạ thủy; nó không có bảo hiểm.

– Hai mươi xu cho mỗi thùng tô nô nếu ông đưa được tàu vào. – Ông Leheu vừa nói vừa nắm lấy cái áo vải dầu có mũ đội của bố Housard.

– Để đưa tàu vào thì trước hết cần phải ra được đó đã.

Những con sóng tràn qua bờ đê; gió như cây chổi quét khổng lồ cuốn theo nào bọt sóng, nào rong rêu, nào cát trên bờ chắn, nào ngói từ trạm gác; mây bị xé toạc sà xuống tới tận mặt biển, tương phản với sắc biển trắng như bọt xà phòng làm chúng trông càng đen hơn nữa.

Không thấy hoa tiêu ra, chiếc brick liền đổi hướng nửa vòng để cố gắng chống chọi với cơn gió đang thổi ngược chiều trong lúc chờ đợi cứu viện.

Chờ đợi, chiếc tàu sẽ đắm; cập bờ, tàu càng chắc chắn đắm hơn.

Người từ trong làng chạy ra; nếu vào bất cứ lúc nào khác, chứng kiến gió quật ngã người đang đứng thành ra mấy đám đông cứ bị trống lỗ chỗ thì thật tức cười phải biết; gió nhấc bổng người lên mà xô mà đẩy; có các cô các bà phải phủ phục xuống đất và cố gắng tiến lên bằng cách lết trên hai đầu gối.

Ông Leheu không ngớt hét lên:

– Hai mươi xu mỗi thùng tô nô, bốn mươi xu!

Ông ta đi đi lại lại, chạy tới chạy lui, mới vừa van vỉ cầu xin mà giây sau đã buông lời nhục mạ:

– Tất cả các người đều cùng một giuộc hết, cứ lao ra biển khi người ta chẳng cần đến các người; rồi lại rúc trên giường khi có nguy hiểm.

Không ai trả lời: người ta lắc đầu hoặc ngoảnh đi hướng khác.

Ông ta nổi khùng:

– Tất cả các người đều là lũ vô dụng; ba trăm nghìn franc sắp mất trắng đấy; các người là lũ hèn.

Bố tôi bước lên:

– Hãy cho tôi một chiếc thuyền, tôi sẽ ra đó.

– Kalbris, anh là một người dũng cảm.

– Nếu Kalbris ra đó, tôi cũng sẽ ra. – Bố Housard nói.

– Hai mươi xu mỗi thùng tô nô, tôi không nuốt lời đâu. – Ông Leheu kêu lên.

– Không cần gì cả, – bố Housard nói, – không phải là vì ông đâu; nhưng nếu tôi ở ngoài đó luôn và bà vợ già của tôi hỏi ông hai xu vào chủ nhật, đừng từ chối bà ấy.

– Kalbris, – ông Leheu nói, – tôi sẽ nhận nuôi con trai anh.

– Không phải vì tất cả những chuyện đó; chúng tôi cần chiếc thuyền của Gesseaume.

Chiếc thuyền này được người ta gọi là Saint-Jean, nổi tiếng khắp vùng bờ biển bởi luôn giương buồm vững vàng trong bất cứ thời tiết nào.

– Tôi sẵn lòng, – Gesseaume nói, nhượng bộ trước mọi con mắt đổ dồn vào mình, – tôi chỉ biết là cho Kalbris mượn thuyền, anh ấy cần phải đưa nó về trả tôi.

Bố đã nắm lấy bàn tay tôi; chúng tôi bắt đầu chạy về phía triền bờ kè nơi chiếc thuyền Saint-Jean đang đậu cuốn hết buồm: chỉ trong một phút buồm và tấm lái đã sẵn sàng.

Ngoài bố tôi và người hoa tiêu, cần thêm một thủy thủ thứ ba. Một trong các anh em họ của tôi tình nguyện, dù người ta muốn ngăn anh lại.

– Kalbris sẽ làm được. – Anh nói.

Bố vòng tay ôm lấy tôi, rồi thủ thỉ bằng một giọng mà tôi vẫn còn nhớ.

– Người ta chẳng bao giờ biết chắc được, – ông vừa nói vừa ôm hôn tôi, – con hãy nói với mẹ là bố ôm hôn mẹ.

Ra khỏi cảng với gió ngược trực diện thế này là một khó khăn lớn; những người kéo thuyền không thể tiến lên kéo chiếc Saint-Jean ra khơi được, những cơn gió giật làm họ tuột tay, xô họ ngã nhào và hất văng mỗi người một hướng. Sóng cứ quét qua mũi đê; tuy nhiên chiếc Saint-Jean cần được kéo ra khỏi điểm này để đón gió. Người gác hải đăng quấn một sợi dây chão quanh hông, rồi trong khi những người kéo thuyền cố hết sức để giữ chiếc Saint-Jean trong lạch, ông cúi gập người xuống dọc theo bờ chắn, nắm cả hai tay vào hàng tay vịn sắt gắn trên đê mà bước tới. Các bạn cũng hiểu rõ là ông không hề định một mình kéo ra khỏi cảng chiếc thuyền mà